

PHƯƠNG ÁN

Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công an năm 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg ngày tháng năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Phần I

LĨNH VỰC QUẢN LÝ VŨ KHÍ VẬT LIỆU NỔ, CÔNG CỤ HỖ TRỢ

1. Thủ tục Cấp Giấy phép trang bị vũ khí quân dụng

1.1. Nội dung đơn giản hoá

- Bỏ bản sao CCCD/CMND hoặc Hộ chiếu của người đại diện hoặc người liên hệ; Bản sao quyết định thành lập hoặc bản sao giấy phép hoạt động; Giấy giới thiệu.

- **Lý do:** Thực hiện Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/06/2024) và Nghị định số 149/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ

1.2. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 6.963.925 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.532.400 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: giảm 4.431.525 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 63.64%.

2. Thủ tục Cấp Giấy phép trang bị vũ khí thể thao

2.1. Nội dung đơn giản hoá

- Bỏ bản sao CCCD/CMND hoặc Hộ chiếu của người đại diện hoặc người liên hệ.

- **Lý do:** Thực hiện Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/06/2024) và Nghị định số 149/2024/NĐ-CP

ngày 15/11/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ

2.2. Lợi ích phương án đơn giản

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 65.418.750 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 16.883.000 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: giảm 48.535.750 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 72.4%.

3. Thủ tục Cấp Giấy phép mua vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao

3.1. Nội dung đơn giản hoá

- Bỏ bản sao CCCD/CMND hoặc Hộ chiếu của người đại diện hoặc người liên hệ.

- **Lý do:** Thực hiện Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/06/2024) và Nghị định số 149/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

3.2. Lợi ích phương án đơn giản

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 8.863.250 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 3.376.600 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: giảm 5.486.650 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 61.9%.

4. Thủ tục Cấp Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp

4.1. Nội dung đơn giản hoá

- Bỏ bản sao CCCD/CMND hoặc Hộ chiếu của người đại diện hoặc người liên hệ; Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự để sản xuất, kinh doanh, sử dụng, vật liệu nổ công nghiệp, doanh nghiệp nhận vật liệu nổ công nghiệp.

- **Lý do:** Thực hiện Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/06/2024) và Nghị định số 149/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ

4.2. Lợi ích phương án đơn giản

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 6.240.450.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.534.300.000 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: giảm 3.706.150.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 59.4%.

5. Thủ tục Cấp Giấy phép vận chuyển tiền chất thuốc nổ

5.1. Nội dung đơn giản hoá

- Bỏ bản sao CCCD/CMND hoặc Hộ chiếu của người đại diện hoặc người liên hệ; Bản sao quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền hoặc bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

- **Lý do:** Thực hiện Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/06/2024) và Nghị định số 149/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

5.2. Lợi ích phương án đơn giản

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 5.807.925.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.223.945.000 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: giảm 4.583.980.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 78,9%.

6. Thủ tục Cấp Giấy phép kinh doanh công cụ hỗ trợ

6.1. Nội dung đơn giản hoá

- Bỏ bản sao CCCD/CMND hoặc Hộ chiếu của người đại diện hoặc người liên hệ; Bản sao quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền hoặc bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- **Lý do:** Thực hiện Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/06/2024) và Nghị định số 149/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

6.2. Lợi ích phương án đơn giản

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 7.807.925 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.645.995 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: giảm 6.161.930 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 78.9%.

7. Thủ tục Cấp lại giấy phép kinh doanh công cụ hỗ trợ

7.1. Nội dung đơn giản hoá

- Bỏ bản sao CCCD/CMND hoặc Hộ chiếu của người đại diện hoặc người liên hệ.

- **Lý do:** Thực hiện Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/06/2024) và Nghị định số 149/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

7.2. Lợi ích phương án đơn giản

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 7.807.925 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.645.995 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: giảm 6.161.930 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 78.9%.

8. Thủ tục Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu công cụ hỗ trợ

8.1. Nội dung đơn giản hoá

- Bỏ bản sao CCCD/CMND hoặc Hộ chiếu của người đại diện hoặc người liên hệ; Bản sao giấy phép kinh doanh.

- **Lý do:** Thực hiện Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/06/2024) và Nghị định số 149/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

8.2. Lợi ích phương án đơn giản

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 263.786.250 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 63.312.500 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: giảm 200.473.750 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 76%.

9. Thủ tục Cấp giấy phép trang bị công cụ hỗ trợ

9.1. Nội dung đơn giản hoá

- Bỏ bản sao CCCD/CMND hoặc Hộ chiếu của người đại diện hoặc người liên hệ; Bản sao quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền hoặc bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

- **Lý do:** Thực hiện Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/06/2024) và Nghị định số 149/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

9.2. Lợi ích phương án đơn giản

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 52.757.250 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 16.883.000 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: giảm 35.874.250 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 68%.

10. Thủ tục Cấp Giấy phép mua công cụ hỗ trợ

10.1. Nội dung đơn giản hoá

- Bỏ bản sao CCCD/CMND hoặc Hộ chiếu của người đại diện hoặc người liên hệ.

- **Lý do:** Thực hiện Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/06/2024) và Nghị định số 149/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

10.2. Lợi ích phương án đơn giản

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 132.948.750 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 33.767.000 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: giảm 99.181.750 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 74.6%.

11. Thủ tục Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vũ khí

11.1. Nội dung đơn giản hoá

- Bỏ bản sao CCCD/CMND hoặc Hộ chiếu của người đại diện hoặc người liên hệ; Bản sao quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền hoặc bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- **Lý do:** Thực hiện Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/06/2024) và Nghị định số 149/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

11.2. Lợi ích phương án đơn giản

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 30.599.125 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 8.019.450 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: giảm 22.579.675 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 73.8%.

12. Thủ tục Điều chỉnh Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp

12.1. Nội dung đơn giản hoá

- Bỏ bản sao CCCD/CMND hoặc Hộ chiếu của người đại diện hoặc người liên hệ.

- **Lý do:** Thực hiện Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/06/2024) và Nghị định số 149/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

12.2. Lợi ích phương án đơn giản

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.007.925.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 323.945.000 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: giảm 683.980.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 67.8%.

13. Thủ tục Điều chỉnh Giấy phép vận chuyển tiền chất thuốc nổ

13.1. Nội dung đơn giản hoá

- Bỏ bản sao CCCD/CMND hoặc Hộ chiếu của người đại diện hoặc người liên hệ.

- **Lý do:** Thực hiện Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/06/2024) và Nghị định số 149/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

13.2. Lợi ích phương án đơn giản

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 807.925.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 123.945.000 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: giảm 683.980.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 84.6%.

14. Thủ tục Cấp giấy phép mua pháo hoa để kinh doanh thực hiện tại Cục

14.1. Nội dung đơn giản hoá

- Bỏ bản sao CCCD/CMND hoặc Hộ chiếu của người đại diện hoặc người liên hệ.

- **Lý do:** Thực hiện Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/06/2024) và Nghị định số 149/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

14.2. Lợi ích phương án đơn giản

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 63.308.500 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 16.883.000 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: giảm 46.425.500 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 73.3%.

15. Thủ tục Cấp giấy phép nhập khẩu pháo hoa nổ, thuốc pháo nổ và thiết bị, phụ kiện bắn pháo hoa nổ thực hiện tại Cục

15.1. Nội dung đơn giản hoá

- Bỏ bản sao CCCD/CMND hoặc Hộ chiếu của người đại diện hoặc người liên hệ

- **Lý do:** Thực hiện Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/06/2024) và Nghị định số 149/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

15.2. Lợi ích phương án đơn giản

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 63.308.500 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 16.883.000 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: giảm 46.425.500 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 73.3%.

16. Thủ tục Cấp giấy phép nhập khẩu pháo hoa, thuốc pháo hoa thực hiện tại Cục

16.1. Nội dung đơn giản hoá

- Bỏ bản sao CCCD/CMND hoặc Hộ chiếu của người đại diện hoặc người liên hệ.

- **Lý do:** Thực hiện Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/06/2024) và Nghị định số 149/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

16.2. Lợi ích phương án đơn giản

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 63.308.500đ đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 16.883.000 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: giảm 46.425.500 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 73.3%.

17. Thủ tục Cấp giấy phép vận chuyển pháo hoa để kinh doanh thực

hiện tại Cục

17.1. Nội dung đơn giản hoá

- Bỏ bản sao CCCD/CMND hoặc Hộ chiếu của người đại diện hoặc người liên hệ.

- **Lý do:** Thực hiện Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/06/2024) và Nghị định số 149/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

17.2. Lợi ích phương án đơn giản

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 563.308.500 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 116.883.000 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: giảm 446.425.500 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 79.3%.

18. Thủ tục Cấp giấy phép vận chuyển pháo hoa để kinh doanh thực hiện tại Công an cấp tỉnh

18.1. Nội dung đơn giản hoá

- Bỏ bản sao CCCD/CMND hoặc Hộ chiếu của người đại diện hoặc người liên hệ.

- **Lý do:** Thực hiện Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/06/2024) và Nghị định số 149/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

18.2. Lợi ích phương án đơn giản

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 563.308.500 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 116.883.000 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: giảm 446.425.500 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 79.3%.

19. Thủ tục Cấp giấy phép xuất khẩu pháo hoa nổ, thuốc pháo nổ và thiết bị, phụ kiện bắn pháo hoa nổ thực hiện tại Cục

19.1. Nội dung đơn giản hoá

- Bỏ bản sao CCCD/CMND hoặc Hộ chiếu của người đại diện hoặc người liên hệ.

- **Lý do:** Thực hiện Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/06/2024) và Nghị định số 149/2024/NĐ-CP

ngày 15/11/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

19.2. Lợi ích phương án đơn giản

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 63.308.500 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 16.883.000 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: giảm 46.425.500 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 73.3%.

20. Thủ tục Cấp giấy phép xuất khẩu pháo hoa, thuốc pháo hoa thực hiện tại Cục

20.1. Nội dung đơn giản hoá

- Bỏ bản sao CCCD/CMND hoặc Hộ chiếu của người đại diện hoặc người liên hệ.

- **Lý do:** Thực hiện Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/06/2024) và Nghị định số 149/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

20.2. Lợi ích phương án đơn giản

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 63.308.500 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 16.883.000 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: giảm 46.425.500 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 73.3%.

PHẦN II

LĨNH VỰC ĐỊNH DANH VÀ XÁC THỰC ĐIỆN TỬ

1. Thủ tục Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết hồ sơ cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử từ 46 ngày còn 31 ngày, cụ thể:

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Công an có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho tổ chức, doanh nghiệp để bổ sung hồ sơ (*giảm 01 ngày làm việc*);

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Công an có trách nhiệm lấy ý kiến của các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan bằng văn bản (*giảm 01 ngày làm việc*);

- Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Công an, bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định và có ý kiến trả lời bằng văn bản gửi Bộ Công an (*giảm 03 ngày làm việc*);

- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Công an thực hiện việc thẩm định, kiểm tra thực tế tại tổ chức, doanh nghiệp và cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử cho tổ chức, doanh nghiệp đủ điều kiện; trường hợp từ chối phải có thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do (*giảm 10 ngày*).

1.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Khoản 2 Điều 24 Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi đơn giản hóa: **3.816.875** đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi đơn giản hóa: **2.671.812** đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: **1.145.062** đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

2. Thủ tục Thay đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết hồ sơ thay đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử, cụ thể:

- Thay đổi thông tin về người đại diện theo pháp luật, địa chỉ trụ sở, tên giao dịch thì thời hạn là 10 ngày, đề xuất còn 07 ngày;

- Thay đổi một trong các thông tin về phương án, quy trình hoạt động cung cấp dịch vụ xác thực điện tử thì thời hạn là 30 ngày, đề xuất còn 20 ngày.

1.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 3, khoản 4 Điều 25 Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi đơn giản hóa: **2.290.125** đồng/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi đơn giản hóa: **1.603.087** đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: **687.037** đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

3. Thủ tục: Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết hồ sơ cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử từ 03 ngày còn 02

ngày, cụ thể: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Công an xem xét và cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử cho tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử; trường hợp từ chối cấp lại phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

1.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm b, khoản 5, Điều 25 Nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi đơn giản hóa: **610.700** đồng/năm
- Chi phí tuân thủ sau khi đơn giản hóa: **427.500** đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: **183.210** đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

PHẦN III

LĨNH VỰC PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ

1. Nhóm thủ tục Cấp/Cấp đổi/Cấp lại Chứng chỉ hành nghề tư vấn về phòng cháy và chữa cháy

1.1. Nội dung đơn giản hoá

- Bãi bỏ.
- **Lý do:** thực hiện theo quy định của Luật PCCC và CNCH và Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ.

1.2. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 583.400.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 583.400.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

2. Nhóm thủ tục Cấp/Cấp lại Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cứu nạn, cứu hộ

2.1. Nội dung đơn giản hoá

- Bãi bỏ.
- **Lý do:** thực hiện theo quy định của Luật PCCC và CNCH và Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ.

2.2. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 774.500.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 774.500.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

3. Nhóm thủ tục Cấp/Cấp lại Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy

3.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ.

- **Lý do:** thực hiện theo quy định của Luật PCCC và CNCH và Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ.

3.2. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.716.900.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.716.900.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

4. Nhóm thủ tục Cấp/Cấp đổi/Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy

4.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ.

- **Lý do:** thực hiện theo quy định của Luật PCCC và CNCH và Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ.

4.2. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 315.360.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 315.360.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

5. Nhóm thủ tục Cấp/Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ

5.1. Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ.

- **Lý do:** thực hiện theo quy định của Luật PCCC và CNCH và Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ.

5.2. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 10.183.000.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 10.183.000.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

6. Nhóm thủ tục Phê duyệt Phương án chữa cháy cơ sở

6.1. Nội dung đơn giản hoá

- Bãi bỏ.

- **Lý do:** thực hiện theo quy định của Luật PCCC và CNCH và Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ.

6.2. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 29.016.000.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 29.016.000.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %.

PHỤ LỤC IV

LĨNH VỰC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

1. Thủ tục Cấp mới thẻ ABTC:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 27 ngày làm việc (216 giờ) xuống 22 ngày làm việc (176 giờ).

- Giảm lệ phí thực hiện:

Chi phí TTHC này bao gồm tiền lệ phí (1.200.000đ/thẻ) + chi phí thời gian đi lại (96.500đ). Để điều chỉnh mức lệ phí thuộc thẩm quyền của Bộ Tài chính. Đối với chi phí thời gian đi lại, chưa thể cắt giảm được do hiện nay, các Cơ sở dữ liệu bộ ngành chưa liên thông nên thủ tục này chưa thể thực hiện trên môi trường điện tử.

2. Thủ tục Cấp lại thẻ ABTC:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 27 ngày làm việc (216 giờ) xuống 22 ngày làm việc (176 giờ).

- Giảm lệ phí thực hiện:

Chi phí TTHC này bao gồm tiền lệ phí (1.000.000đ/thẻ) + chi phí thời gian đi lại (96.500đ). Để điều chỉnh mức lệ phí thuộc thẩm quyền của Bộ Tài. chính. Đối với chi phí thời gian đi lại, có thể cắt giảm từ 96.500đ/thủ tục xuống 48.250đ/thủ tục do hiện nay, thủ tục này được thực hiện trên môi trường điện tử.

3. Trình báo mất thẻ ABTC thực hiện tại cấp Bộ:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 03 ngày làm việc (24 giờ) xuống 02 ngày làm việc (16 giờ).

- Giảm lệ phí thực hiện:

Chi phí TTHC bằng mức thu nhập bình quân của 01 người/01 giờ làm việc nên không thể cắt giảm.

4. Trình báo mất thẻ ABTC thực hiện tại cấp tỉnh:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 05 ngày làm việc (40 giờ) xuống 03 ngày làm việc (24 giờ).

- Giảm lệ phí thực hiện:

Chi phí TTHC bằng mức thu nhập bình quân của 01 người/01 giờ làm việc nên không thể cắt giảm.

5. Trình báo mất thẻ ABTC thực hiện tại cấp huyện: Bỏ TTHC này do thực hiện mô hình chính quyền hai cấp

6. Trình báo mất thẻ ABTC thực hiện tại cấp xã:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 05 ngày làm việc (40 giờ) xuống 03 ngày làm việc (24 giờ)

- Giảm lệ phí thực hiện:

Chi phí TTHC bằng mức thu nhập bình quân của 01 người/01 giờ làm việc nên không thể cắt giảm.

PHẦN V

LĨNH VỰC BẢO ĐẢM TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG

1. Thủ tục Cấp Giấy phép lái xe

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày làm việc (56 giờ) xuống 4,5 ngày làm việc (36 giờ);

- Giảm lệ phí thực hiện TTHC từ 135.000 đồng xuống 94.500 đồng;

- Lý do: Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

1.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 19 Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ Công an;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 3 Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ Tài chính.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 83.400.000.000 đồng/năm;
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 58.380.000.000 đồng/năm;
- Chi phí tiết kiệm: 25.020.000.000 đồng/năm;
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

2. Thủ tục Đổi Giấy phép lái xe

2.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 05 ngày làm việc (40 giờ) xuống 3,5 ngày làm việc (28 giờ);
- Giảm lệ phí thực hiện TTHC từ 135.000 đồng xuống 94.500 đồng;
- Lý do: Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

2.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 20 Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ Công an;
- Sửa đổi, bổ sung Điều 3 Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ Tài chính.

2.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 50.040.000.000 đồng/năm;
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 35.028.000.000 đồng/năm;
- Chi phí tiết kiệm: 15.012.000.000 đồng/năm;
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

3. Thủ tục Cấp lại giấy phép lái xe

3.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 05 ngày làm việc (40 giờ) xuống 3,5 ngày làm việc (28 giờ);
- Giảm lệ phí thực hiện TTHC từ 135.000 đồng xuống 94.500 đồng;
- Lý do: Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

3.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 21 Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ Công an;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 3 Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ Tài chính.

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 16.680.000.000 đồng/năm;
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 11.676.000.000 đồng/năm;
- Chi phí tiết kiệm: 5.004.000.000 đồng/năm;
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

4. Thủ tục Đổi giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp

4.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 05 ngày làm việc (40 giờ) xuống 3,5 ngày làm việc (28 giờ);
- Giảm lệ phí thực hiện TTHC từ 135.000 đồng xuống 94.500 đồng;
- Lý do: Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

4.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 22 Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ Công an;
- Sửa đổi, bổ sung Điều 3 Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ Tài chính.

4.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 166.800.000 đồng/năm;
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 116.760.000 đồng/năm;
- Chi phí tiết kiệm: 50.040.000 đồng/năm;
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

5. Thủ tục Đổi giấy phép lái xe trong CAND

5.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 05 ngày làm việc (40 giờ) xuống 3,5 ngày làm việc (28 giờ);
- Giảm lệ phí thực hiện TTHC từ 135.000 đồng xuống 94.500 đồng;
- Lý do: Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

5.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 23 Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ Công an;
- Sửa đổi, bổ sung Điều 3 Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ Tài chính.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 166.800.000 đồng/năm;
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 116.760.000 đồng/năm;
- Chi phí tiết kiệm: 50.040.000 đồng/năm;
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

6. Thủ tục Đổi giấy phép lái xe của nước ngoài

6.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 05 ngày làm việc (40 giờ) xuống 3,5 ngày làm việc (28 giờ);
- Giảm lệ phí thực hiện TTHC từ 135.000 đồng xuống 94.500 đồng;
- Lý do: Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

6.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 Điều 24 Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ Công an;
- Sửa đổi, bổ sung Điều 3 Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ Tài chính.

6.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 83.400.000 đồng/năm;
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 58.380.000 đồng/năm;
- Chi phí tiết kiệm: 25.020.000 đồng/năm;
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

7. Thủ tục Thu hồi giấy phép lái xe

7.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 03 ngày làm việc (24 giờ) xuống 02 ngày làm việc (16 giờ);

- Lý do: Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

7.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 25 Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ Công an.

7.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 3.180.000 đồng/năm;
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.226.000 đồng/năm;
- Chi phí tiết kiệm: 954.000 đồng/năm;
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

8. Thủ tục Cấp giấy phép lái xe quốc tế

8.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 05 ngày làm việc (40 giờ) xuống 3,5 ngày làm việc (28 giờ);
- Giảm lệ phí thực hiện TTHC từ 135.000 đồng xuống 94.500 đồng;
- Lý do: Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

8.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 28 Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ Công an;
- Sửa đổi, bổ sung Điều 3 Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/6/2023 của Bộ Tài chính.

8.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 83.400.000 đồng/năm;
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 58.380.000 đồng/năm;
- Chi phí tiết kiệm: 25.020.000 đồng/năm;
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

9. Thủ tục Chấp thuận bố trí mặt bằng tổng thể hình sát hạch trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2

9.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 05 ngày làm việc (40 giờ) xuống 2,5 ngày làm việc (20 giờ);

- Lý do: Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

9.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 26 Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ.

9.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 318.000 đồng/năm;
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 159.000 đồng/năm;
- Chi phí tiết kiệm: 159.000 đồng/năm;
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%.

10. Thủ tục Cấp giấy phép sát hạch cho trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2

10.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 05 ngày làm việc (40 giờ) xuống 3,5 ngày làm việc (28 giờ);

- Lý do: Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

10.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 28 Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ.

10.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.590.000 đồng/năm;
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.113.000 đồng/năm;
- Chi phí tiết kiệm: 477.000 đồng/năm;
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

11. Thủ tục Cấp lại giấy phép sát hạch cho trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2

11.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 05 ngày làm việc (40 giờ) xuống 3,5 ngày làm việc (28 giờ) đối với trường hợp cấp lại khi có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe;

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 01 ngày làm việc (08 giờ) xuống dưới 01 ngày làm việc (4 giờ) đối với trường hợp cấp lại khi bị hỏng, mất, thay đổi tên của trung tâm sát hạch lái xe có hồ sơ hợp lệ; Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 03

ngày làm việc (24 giờ) xuống 02 ngày làm việc (16 giờ) đối với hồ sơ chưa đầy đủ, phải hướng dẫn hoàn thiện lại;

- Lý do: Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

11.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 30 Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ.

11.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 318.000 đồng/năm;
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 222.600 đồng/năm;
- Chi phí tiết kiệm: 95.400 đồng/năm;
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

12. Thủ tục Thu hồi giấy phép sát hạch cho trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2

12.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 05 ngày làm việc (40 giờ) xuống 3,5 ngày làm việc (28 giờ);

- Lý do: Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

12.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 31 Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ.

12.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 318.000 đồng/năm;
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 222.600 đồng/năm;
- Chi phí tiết kiệm: 95.400 đồng/năm;
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

13. Thủ tục Chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô

13.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 05 ngày làm việc (40 giờ) xuống 3,5 ngày làm việc (28 giờ);

- Lý do: Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

13.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 33 Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ.

13.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 636.000 đồng/năm;
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 445.200 đồng/năm;
- Chi phí tiết kiệm: 190.800 đồng/năm;
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

14. Thủ tục Chấp thuận lại hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô

14.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày làm việc (56 giờ) xuống 4,5 ngày làm việc (36 giờ) đối với trường hợp cấp lại khi có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe mô tô để sát hạch lái xe;

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 03 ngày làm việc (24 giờ) xuống 02 ngày làm việc (16 giờ) đối với trường hợp cấp lại khi bị hỏng, mất, thay đổi tên của cơ sở đào tạo có sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô;

- Lý do: Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

14.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 34 Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ.

14.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 318.000 đồng/năm;
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 222.600 đồng/năm;
- Chi phí tiết kiệm: 95.400 đồng/năm;
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

15. Thủ tục Thu hồi hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô

15.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 05 ngày làm việc (40 giờ) xuống 3,5 ngày làm việc (28 giờ);

- Lý do: Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

15.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 35 Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ.

15.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 318.000 đồng/năm;
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 222.600 đồng/năm;
- Chi phí tiết kiệm: 95.400 đồng/năm;
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

16. Thủ tục Cấp giấy phép sát hạch cho trung tâm sát hạch loại 3

16.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 05 ngày làm việc (40 giờ) xuống 3,5 ngày làm việc (28 giờ);

- Lý do: Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

16.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 29 Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ.

16.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.590.000 đồng/năm;
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.113.000 đồng/năm;
- Chi phí tiết kiệm: 477.000 đồng/năm;
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

17. Thủ tục Cấp lại giấy phép sát hạch cho trung tâm sát hạch loại 3

17.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 05 ngày làm việc (40 giờ) xuống 3,5 ngày làm việc (28 giờ) đối với Trường hợp cấp lại khi có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe;

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 03 ngày làm việc (24 giờ) xuống 02 ngày làm việc (16 giờ) đối với trường hợp cấp lại khi bị hỏng, mất, thay đổi tên của trung tâm sát hạch lái xe;

- Lý do: Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

17.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 30 Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ.

17.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 318.000 đồng/năm;
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 222.600 đồng/năm;
- Chi phí tiết kiệm: 95.400 đồng/năm;
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

18. Thủ tục Thu hồi giấy phép sát hạch cho trung tâm sát hạch loại 3

18.1. Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 05 ngày làm việc (40 giờ) xuống 3,5 ngày làm việc (28 giờ);

- Lý do: Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

18.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 31 Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ.

18.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 318.000 đồng/năm;
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 222.600 đồng/năm;
- Chi phí tiết kiệm: 95.400 đồng/năm;
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

19. Thủ tục Cấp mới, cấp lại giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên

19.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 02 ngày làm việc (16 giờ) xuống 01 ngày làm việc (08 giờ);

- Lý do: Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

19.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 21 Nghị định 151/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ.

19.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 20.000.000 đồng/năm;
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.000.000 đồng/năm;
- Chi phí tiết kiệm: 6.000.000 đồng/năm;
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

20. Thủ tục Cấp lại GPSD thiết bị phát tín hiệu của xe ưu tiên:

20.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 02 ngày làm việc (16 giờ) xuống 01 ngày làm việc (08 giờ);

- Lý do: Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

20.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 21 Nghị định 151/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ.

20.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 10.000.000 đồng/năm;
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 7.000.000 đồng/năm;
- Chi phí tiết kiệm: 3.000.000/năm;
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

21. Thủ tục Chấp thuận doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế của Việt Nam được tổ chức cho người nước ngoài đưa xe cơ giới nước ngoài vào Việt Nam du lịch

21.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 05 ngày làm việc (40 giờ) xuống 03 ngày làm việc (24 giờ);

- Lý do: Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

21.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 33 Nghị định 151/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ.

21.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 20.000.000 đồng/năm;
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.000.000 đồng/năm;
- Chi phí tiết kiệm: 6.000.000 đồng/năm;

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

22. Thủ tục Chấp thuận tổ chức, cá nhân đưa xe ô tô có tay lái bên phải vào tham gia giao thông tại Việt Nam không phải mục đích du lịch

22.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 05 ngày làm việc (40 giờ) xuống 03 ngày làm việc (24 giờ);

- Lý do: Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

22.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 33 Nghị định 151/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ.

22.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 20.000.000 đồng/năm;
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.000.000 đồng/năm;
- Chi phí tiết kiệm: 6.000.000 đồng/năm;
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

23. Thủ tục Chấp thuận doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế của Việt Nam tổ chức cho người nước ngoài đưa xe cơ giới nước ngoài vào Việt Nam du lịch được thay đổi lộ trình, tuyến đường di chuyển, thời gian phương tiện xuất cảnh chậm so với văn bản chấp thuận hoặc quá thời gian lưu trú tối đa tại Việt Nam

23.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 05 ngày làm việc (40 giờ) xuống 03 ngày làm việc (24 giờ);

- Lý do: Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

23.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 33 Nghị định 151/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ.

23.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 20.000.000 đồng/năm;
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.000.000 đồng/năm;
- Chi phí tiết kiệm: 6.000.000 đồng/năm;
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

24. Thủ tục Chấp thuận tổ chức, cá nhân đưa xe ô tô có tay lái bên phải vào tham gia giao thông tại Việt Nam không phải mục đích du lịch được thay đổi lộ trình, tuyến đường di chuyển, thời gian phương tiện xuất cảnh chậm so với văn bản chấp thuận hoặc quá thời gian lưu trú tối đa tại Việt Nam

24.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 05 ngày làm việc (40 giờ) xuống 03 ngày làm việc (24 giờ);
- Lý do: Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

24.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 33 Nghị định 151/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ.

24.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 20.000.000 đồng/năm;
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.000.000 đồng/năm;
- Chi phí tiết kiệm: 6.000.000 đồng/năm;
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

25. Thủ tục Đăng ký xe lần đầu trực tuyến toàn trình đối với xe sản xuất lắp ráp trong nước

25.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 16 giờ (02 ngày làm việc) xuống 12 giờ (1,5 ngày làm việc);
- Cắt giảm 30% phí, lệ phí thực hiện TTHC;
- Lý do: Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

25.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 7 Thông tư 79/2024/TT/BCA ngày 15/11/2024 Quy định về cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng;
- Sửa đổi, bổ sung Điều 5 Thông tư số 60/2023/TT-BTC ngày 07/9/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký, cấp biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;
- Sửa đổi, bổ sung Điều 3 Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 7/6/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái

xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

25.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.832,672 tỉ đồng/năm;
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.282,87 tỉ đồng/năm;
- Chi phí tiết kiệm: 549,801 tỉ đồng/năm;
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

26. Thủ tục Đăng ký xe lần đầu trực tuyến toàn trình đối với xe nhập khẩu

26.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 16 giờ (02 ngày làm việc) xuống 12 giờ (1,5 ngày làm việc);
- Cắt giảm 30% phí, lệ phí thực hiện TTHC;
- Lý do: Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

26.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 7 Thông tư 79/2024/TT/BCA ngày 15/11/2024 Quy định về cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng;
- Sửa đổi, bổ sung Điều 5 Thông tư số 60/2023/TT-BTC ngày 07/9/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký, cấp biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;
- Sửa đổi, bổ sung Điều 3 Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 7/6/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

26.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 625,342 tỉ đồng/năm;
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 437,739 tỉ đồng/năm;
- Chi phí tiết kiệm: 187,602 tỉ đồng/năm;
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

27. Thủ tục Đăng ký, cấp biển số xe lần đầu thực hiện bằng dịch vụ công một phần hoặc trực tiếp

27.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 16 giờ (02 ngày làm việc) xuống 12 giờ (1,5 ngày làm việc);
- Cắt giảm 30% phí, lệ phí thực hiện TTHC;
- Lý do: Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

27.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 7 Thông tư 79/2024/TT/BCA ngày 15/11/2024 Quy định về cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng;
- Sửa đổi, bổ sung Điều 5 Thông tư số 60/2023/TT-BTC ngày 07/9/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký, cấp biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;
- Sửa đổi, bổ sung Điều 3 Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 7/6/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

27.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 994,914 tỉ đồng/năm;
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 696, 439 tỉ đồng/năm;
- Chi phí tiết kiệm: 298,474 tỉ đồng/năm;
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

28. Thủ tục Cấp chứng nhận đăng ký xe, biển số xe trong trường hợp thay đổi chủ xe (đăng ký sang tên xe)

28.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 16 giờ (02 ngày làm việc) xuống 12 giờ (1,5 ngày làm việc);
- Cắt giảm 30% phí, lệ phí thực hiện TTHC;
- Lý do: Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

28.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 7 Thông tư 79/2024/TT/BCA ngày 15/11/2024 Quy định về cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 5 Thông tư số 60/2023/TT-BTC ngày 07/9/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký, cấp biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 3 Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 7/6/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

28.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 972,899 tỉ đồng/năm;
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 681,029 tỉ đồng/năm;
- Chi phí tiết kiệm: 291,869 tỉ đồng/năm;
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

29. Thủ tục đổi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe

29.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 16 giờ (02 ngày làm việc) xuống 12 giờ (1,5 ngày làm việc);
- Cắt giảm 30% phí, lệ phí thực hiện TTHC;
- Lý do: Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

29.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 7 Thông tư 79/2024/TT/BCA ngày 15/11/2024 Quy định về cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng;
- Sửa đổi, bổ sung Điều 5 Thông tư số 60/2023/TT-BTC ngày 07/9/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký, cấp biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;
- Sửa đổi, bổ sung Điều 3 Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 7/6/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

29.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 20,834 tỉ đồng/năm;
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14,584 tỉ đồng/năm;

- Chi phí tiết kiệm: 6.25 tỉ đồng/năm;
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

30. Thủ tục cấp lại chứng nhận đăng ký xe, biển số xe thực hiện bằng dịch vụ công trực tuyến một phần hoặc trực tiếp

30.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 16 giờ (02 ngày làm việc) xuống 12 giờ (1,5 ngày làm việc);
- Cắt giảm 30% phí, lệ phí thực hiện TTHC;
- Lý do: Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

30.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 7 Thông tư 79/2024/TT/BCA ngày 15/11/2024 Quy định về cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng;
- Sửa đổi, bổ sung Điều 5 Thông tư số 60/2023/TT-BTC ngày 07/9/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký, cấp biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;
- Sửa đổi, bổ sung Điều 3 Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 7/6/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

30.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 31,754 tỉ đồng/năm;
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 22,228 tỉ đồng/năm;
- Chi phí tiết kiệm: 9,5 tỉ đồng/năm;
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

31. Thủ tục đăng ký xe tạm thời thực hiện bằng dịch vụ công trực tuyến toàn trình

31.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm 30% phí, lệ phí thực hiện TTHC;
- Lý do: Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026;

- Hiện nay thời gian giải quyết TTHC đã tối giản (08 giờ), do đó không đề xuất cắt giảm.

31.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 5 Thông tư số 60/2023/TT-BTC ngày 07/9/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký, cấp biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 3 Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 7/6/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

31.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 3 tỉ đồng/năm;
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2,1 tỉ đồng/năm;
- Chi phí tiết kiệm: 900 triệu đồng/năm;
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

32. Thủ tục đăng ký xe tạm thời thực hiện bằng dịch vụ công trực tuyến một phần hoặc trực tiếp

32.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Cắt giảm 30% phí, lệ phí thực hiện TTHC;
- Lý do: Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026;

- Hiện nay thời gian giải quyết TTHC đã tối giản (08 giờ), do đó không đề xuất cắt giảm.

32.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 5 Thông tư số 60/2023/TT-BTC ngày 07/9/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký, cấp biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 3 Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 7/6/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

32.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1,6 tỉ đồng/năm;
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1,1 tỉ đồng/năm;

- Chi phí tiết kiệm: 500 triệu đồng/năm;
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

33. Thủ tục thu hồi giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe thực hiện bằng dịch vụ công trực tuyến một phần hoặc trực tiếp

33.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 16 giờ (02 ngày làm việc) xuống 12 giờ (1,5 ngày làm việc);
- Lý do: Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

33.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 7 Thông tư 79/2024/TT/BCA ngày 15/11/2024 Quy định về cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng;

33.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 86,3 tỉ đồng/năm;
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 60,41 tỉ đồng/năm;
- Chi phí tiết kiệm: 25,89 triệu đồng/năm;
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

34. Thủ tục cấp lại chứng nhận đăng ký xe, biển số xe thực hiện bằng dịch vụ công trực tuyến toàn trình (chưa phát sinh hồ sơ)

34.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 16 giờ (02 ngày làm việc) xuống 12 giờ (1,5 ngày làm việc);
- Cắt giảm 30% phí, lệ phí thực hiện TTHC;
- Lý do: Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

34.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 7 Thông tư 79/2024/TT/BCA ngày 15/11/2024 Quy định về cấp, thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 5 Thông tư số 60/2023/TT-BTC ngày 07/9/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký, cấp biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 3 Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 7/6/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

34.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: trung bình 100.000 đồng/năm;

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: trung bình 70.000 đồng/năm;

- Chi phí tiết kiệm: 30.000 đồng/năm;

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

35. Thủ tục thu hồi giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe thực hiện bằng dịch vụ công trực tuyến toàn trình

Hiện thời gian giải quyết TTHC đã tối giản (08 giờ), TTHC không mất phí, lệ phí và chưa phát sinh hồ sơ nên không đề xuất cắt giảm./.